

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRÀ TÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 106 /TTr-UBND

Trà Tân, ngày 19 tháng 7 năm 2026

TỜ TRÌNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 được phép kéo dài sang năm 2026 và kế hoạch đầu tư công năm 2026

Kính gửi:

- Hội đồng nhân dân xã Trà Tân;
- Ban Kinh tế - Ngân sách xã Trà Tân.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 29 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4 /2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ các Nghị quyết: số 31/NQ-HĐND ngày 11/10/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Trà My (cũ) bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024 huyện Bắc Trà My; số 26/NQ-HĐND ngày 06/9/2026 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Trà My bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 huyện Bắc Trà My;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Trà Tân về phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Trà Tân năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết 03/NQ-HĐND ngày 06/2/2026 của Hội đồng nhân dân xã Trà Tân về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2026 xã Trà Tân;

Để có cơ sở bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, trong thời gian qua trên địa bàn xã gặp nhiều biến cố về thời tiết, gây ảnh hưởng không ít đến các công trình trên địa bàn cũng như sinh hoạt của người dân. Bên cạnh đó, song song với các nguồn vốn dôi dư từ các dự án chuyển tiếp thuộc các

Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025; nguồn bố trí thanh toán khối lượng và bố trí cho các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030 không sử dụng đến.

Nguyên tắc chung về cập nhật, bổ sung kế hoạch đầu tư công hằng năm và trung hạn giai đoạn 2026 – 2030 được thực hiện trên cơ sở tuân thủ các quy định của Điều 13, Luật Đầu tư công 2024, Luật Ngân sách nhà nước. Việc điều chỉnh phù hợp với các mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và các quy hoạch liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; kế thừa Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 06/02/2026 của Hội đồng nhân dân xã, những thay đổi về cơ chế phân bổ vốn của Trung ương, thành phố; những diễn biến nhanh chóng, khó lường về kinh tế xã hội tác động đến đời sống nhân dân trên địa bàn xã; ý kiến kiến nghị của cử tri và các cơ quan, ban, ngành thuộc xã, nội dung cụ thể như sau:

I. Thứ tự ưu tiên:

- Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 4, Điều 54 của Luật Đầu tư công 2024. Trong đó, ưu tiên: Tiếp tục thực hiện các dự án khắc phục bão lũ, ổn định đời sống nhân dân; các dự án đầu tư cơ sở vật chất các trường học đạt chuẩn theo quy; bê tông hóa hệ thống GTNT trên địa bàn xã nhằm phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, góp phần phát triển KT-XH địa phương, xây dựng nông thôn mới,... Và do yêu cầu bổ sung danh mục thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026-2030 theo Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội.

II. Danh mục đề nghị điều chỉnh, bổ sung danh mục kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 được phép kéo dài sang năm 2026 và kế hoạch đầu tư công năm 2026:

(Chi tiết theo phụ lục 01, 02, 02.1 và 03 đính kèm)

Gửi kèm Báo cáo số 369/BC-UBND ngày 17/7/2026

Vậy, UBND xã kính trình HĐND xã và Ban Kinh tế - Ngân sách xem xét cho ý kiến để làm cơ sở thực hiện.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, PKT.

**TM ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Minh Chiến

PHỤ LỤC 01

BỔ SUNG DANH MỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2026 VÀ ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 TỪ NGHỊ QUYẾT 03/NQ HĐND NGÀY 06/02/2026 CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TRÀ TÂN

(Kèm theo Tờ trình số 106/TTr-UBND ngày 19/7/2026 của UBND xã Trà Tân)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Stt	Tên dự án/ công trình	Địa điểm	Năm thực hiện	Tổng mức theo Nghị quyết 03/NQ-HĐND	Tổng mức sau điều chỉnh	Dự kiến TMBĐT/ Cơ cấu nguồn vốn				Quy mô xây dựng	Quy mô xây dựng điều chỉnh	Ghi chú
						Tổng	NSTW	NSTP	NS Xã			
I	Điều chỉnh tổng mức, quy mô đầu tư			2.200,000	2.939,000	2.939,000	-	-	2.939,000			
1	Nâng cấp, mở rộng CSVC trường Mẫu giáo Vành Khuyên	Thôn Ngọc Giác	2026	2.200,000	2.939,000	2.939,000			2.939,000	Xây mới khối nhà 02 tầng gồm: Tầng 01: Phòng tin, kho, bảo vệ; Tầng 02: Phòng GDTC, phòng GDNT thành	Xây mới khối 02 tầng gồm: Tầng 01: Phòng GDNT, kho, bảo vệ; Tầng 02: Phòng GDTC, phòng tin, và các hạng mục phụ trợ.	
II	Bổ sung danh mục Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025			4.050,000	3.404,000	3.404,000	1.575,501	975,578	536,408			
2	Đường GTNT liên thôn Nóc Bà Lĩnh, thôn Ngọc Giác	Thôn Ngọc Giác	2026	2.100,000	2.200,000	2.200,000	1.021,661	658,748	203,078	Xây mới tuyến đường BTXM dài 200m	Xây mới tuyến đường BTXM dài khoảng 450m	
3	Đường ngõ xóm nóc ông Long, thôn Trà Giác	Thôn Ngọc Tu	2026	1.100,000	354,000	354,000	162,840	24,490	166,670	Xây mới 01 cầu bê tông dài khoảng 25m, rộng 5m	Xây mới tuyến đường BTXM dài khoảng 80m và các hạng mục phụ trợ trên tuyến	
4	Hệ thống điện năng lượng mặt trời thôn Nước Oa	Thôn Nước Oa	2026	850,000	850,000	850,000	391,000	292,340	166,660	Đầu tư mới khoảng 2.000m đường điện với khoảng cách 40m/trụ	Đầu tư mới khoảng 2.000m đường điện với	



Stt	Tên dự án/ công trình	Địa điểm	Năm thực hiện	Tổng mức theo Nghị quyết 03/NQ-HĐND	Tổng mức sau điều chỉnh	Dự kiến TMDT/ Cơ cấu nguồn vốn				Quy mô xây dựng	Quy mô xây dựng điều chỉnh	Ghi chú
						Tổng	NSTW	NSTP	NS Xã			
											khoảng cách 40m/trụ	
II	Bổ sung danh mục Chương trình MTQG năm 2026			16.500,000	21.000,000	21.000,000	-	17.850,000	3.150,000			
5	Nâng cấp, mở rộng CSVC trường PTDTBT THCS Lý Tự Trọng	Thôn Ngọc Giác	2026	16.500,000	21.000,000	21.000,000		17.850,000	3.150,000	Nhà ở bán trú; Nhà công vụ; Khối hành chính quản trị; Khối học tập, hỗ trợ học tập; các hạng mục phụ trợ khác		
6	Dự án thuộc Chương trình MTQG năm 2026	Xã Trà Tân	2026	0	0	1.000,000		1.000,000	150,000			Quyết định 3120/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 của UBND thành phố
III	Bổ sung danh mục ngân sách thành phố			3.880,000	4.800,000	4.800,000	-	4.500,000	300,000			
7	Khắc phục thiệt hại do ảnh hưởng của các cơn bão, lũ số 11, 12 năm 2025 gây ra (Hạng mục: Kè bờ sông bảo vệ tuyến đường ĐH4 (Km0+900 -:- Km0+952 và Km2+200 -:- Km2+264)	Thôn Ngọc Tu	2026	2.280,000	2.800,000	2.800,000		2.604,000	182,280	- Kè rọ đá bảo vệ tuyến đường ĐH4 đoạn từ (Km0+900 -:- Km0+952) chiều dài kè khoảng 52m, loại rọ (2x1x0,5)m. - Kè rọ đá bảo vệ tuyến đường ĐH4 đoạn từ (Km2+200 -:- Km2+264) chiều dài kè khoảng 64m, loại rọ (2x1x0,5)m		Quỹ phòng chống thiên tai

Stt	Tên dự án/ công trình	Địa điểm	Năm thực hiện	Tổng mức theo Nghị quyết 03/NQ-HĐND	Tổng mức sau điều chỉnh	Dự kiến TMBT/ Cơ cấu nguồn vốn				Quy mô xây dựng điều chỉnh	Ghi chú
						Tổng	NSTW	NSTP	NS Xã		
8	Khắc phục thiệt hại do ảnh hưởng của các cơn bão, lũ số 11, 12 năm 2025 gây ra (Hạng mục: Kè bảo vệ trường TH Trần Cao Vân và trường THCS Lý Tự Trọng)	Thôn Ngọc Giác	2026	1.600,000	2.000,000	2.000,000		1.896,000	117,720	- Kè rọ đá bảo vệ trường TH Trần Cao Vân chiều dài kè khoảng 80m, loại rọ (2x1x0,5)m. - Kè rọ đá bảo vệ trường THCS Lý Tự Trọng chiều dài kè khoảng 64m, loại rọ (2x1x0,5)m	Quỹ phòng chống thiên tai





PHỤ LỤC 02

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN DỪNG THỰC HIỆN DO VƯỢNG MẶT BẰNG; CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN A-B, KIỂM TOÁN, QUYẾT TOÁN HOÀN THÀNH

(Kèm theo Tờ trình số 11/TTr-UBND ngày 19/7/2026 của UBND xã Trà Tân)

Đơn vị tính: Đồng.

Stt	Danh mục công trình	Khối lượng thực hiện đến nay	Kế hoạch vốn đã bố trí đến nay	Lũy kế giải ngân đến nay	KH vốn còn lại	KH vốn dư sau khi quyết toán	Ghi chú
1	2	3	4	5	6 = 4 - 5	7 = 4 - 3	
I	Nguồn vốn dư do dừng thực hiện và các dự án đã quyết toán						
	Tổng	13.605.313.000	16.074.490.000	12.419.491.000	3.654.999.000	2.551.079.000	
1	Nhà Văn hóa, kết hợp phòng tránh thiên tai thôn 2 xã Trà Giác	2.455.346.000	2.638.000.000	2.307.129.000	330.871.000	182.654.000	Đã Quyết toán hoàn thành
2	Đường GTNT đoạn từ nhà ông Tài đi nhà ông Đồng, nóc ông Lam; từ nhà ông Nhơn đi nhà ông Dương, nóc ông Phòng, thôn 4, xã Trà Giác	498.468.000	1.012.000.000	420.000.000	592.000.000	592.000.000	Dừng thi công
3	Đường GTNT đi nóc ông Mậu thôn 4 xã Trà Giác	1.517.092.000	2.091.000.000	1.334.000.000	757.000.000	573.908.000	QT A-B
4	Đường GTNT đoạn từ đường Đông Trường Sơn đi nóc ông Kim Bưởi, thôn 4, xã Trà Giác	632.831.000	693.000.000	632.831.000	60.169.000	60.169.000	Đã Quyết toán hoàn thành
5	Đường GTNT đoạn từ nhà ông Tâm đi nhà bà Liễu nóc ông Dế; Từ đường ĐH4 đi nóc ông Hiến, thôn 4, Trà Giác	414.994.000	523.000.000	414.994.000	108.006.000	108.006.000	
6	Nâng cấp CSVC Trường PT DTBT TH Trần Cao Vân, xã Trà Giác	916.968.000	940.000.000	916.968.000	23.032.000	23.032.000	
7	Đường GTNT từ nhà bà Trung đi nóc ông Kỳ, thôn 1, xã Trà Giác	35.176.000	503.000.000	31.742.000	471.258.000	471.258.000	Dừng thi công

Stt	Danh mục công trình	Khối lượng thực hiện đến nay	Kế hoạch vốn đã bố trí đến nay	Lũy kế giải ngân đến nay	KH vốn còn lại	KH vốn dư sau khi quyết toán	Ghi chú
8	Cánh đồng Tinh dầu thôn 2, xã Trà Tân	749.269.000	792.000.000	749.269.000	42.731.000	42.731.000	Đã Quyết toán hoàn thành
9	Đường GTNT từ đồi ông Thọ đi QL 40B, xã Trà Tân	820.175.000	906.000.000	820.175.000	85.825.000	85.825.000	Đã Quyết toán hoàn thành
10	Đường GTNT từ khu di tích UBKTTW đến nhà ông Sura, thôn 2, xã Trà Tân	528.542.000	619.000.000	528.542.000	90.458.000	90.458.000	
11	Đường GTNT đi nóc ông Xây thôn 2, xã Trà Tân	581.990.000	603.000.000	581.990.000	21.010.000	21.010.000	
12	Nâng cấp đường giao thông đoạn trung tâm xã Trà Giác	1.043.061.000	1.088.600.000	915.000.000	173.600.000	45.539.000	QT A-B
13	Đường GTNT đoạn nhà Ông Phúc thôn 1, xã Trà Tân	514.489.000	584.000.000	453.000.000	131.000.000	69.511.000	QT A-B
14	Nâng cấp đường giao thông đoạn trung tâm xã Trà Tân	1.022.525.000	1.088.890.000	900.000.000	188.890.000	66.365.000	QT A-B
15	Cổng ông Phụ	1.040.333.000	1.102.000.000	910.492.000	191.508.000	61.667.000	QT A-B
16	Đường GTNTđồi ông Thọ thôn 3 xã Trà Tân	834.054.000	891.000.000	503.359.000	387.641.000	56.946.000	QT A-B
17	Đường GTNT từ trạm y tế xã Trà Giác đến nhà ông Nhơn	0	0	0	0	0	Chưa phê duyệt nên chưa phân bổ vốn

PHỤ LỤC 02.1
BỔ SUNG DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2026 TỪ
NGHỊ QUYẾT 03/NQ-HĐND NGÀY 06/02/2026

(Kèm theo Tờ trình số 54/TT-Tr-UBND ngày 19/7/2026 của UBND xã Trà Tân)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Stt	Tên dự án/ công trình	Địa điểm	Năm thực hiện	Tổng mức theo Nghị quyết 03/NQ-HĐND	Tổng mức sau điều chỉnh	Dự kiến TMDT/ Cơ cấu nguồn vốn				KHV bố trí đợt này				Ghi chú
						Tổng	NSTW	NSTP	NS Xã	Tổng	NSTW	NSTP	NS Xã	
	Bổ sung danh mục Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025			4.050,000	3.404,000	3.404,000	1.575,501	975,578	536,408	2.551,079	1.575,501	975,578	0	
1	Đường GTNT liên thôn Nóc Bà Lĩnh, thôn Ngọc Giác	Thôn Ngọc Giác	2026	2.100,000	2.200,000	2.200,000	1.021,661	658,748	203,078	1.680,409	1.021,661	658,748	0	
2	Đường ngõ xóm nóc ông Long, thôn Trà Giác	Thôn Ngọc Tu	2026	1.100,000	354,000	354,000	162,840	24,490	166,670	187,330	162,840	24,490	0	
3	Hệ thống điện năng lượng mặt trời thôn Nước Oa	Thôn Nước Oa	2026	850,000	850,000	850,000	391,000	292,340	166,660	683,340	391,000	292,340	0	

PHỤ LỤC 03

**ĐIỀU CHỈNH CÂN ĐỐI KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 NGUỒN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THEO
NGHỊ QUYẾT 03/NQ-HĐND NGÀY 06/02/2026**

(Kèm theo Tờ trình số 10/TTr-UBND ngày 19/7/2026 của UBND xã Trà Tân)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

Stt	Tên dự án/ công trình	Tổng mức đầu tư			KHV bố trí từ khởi công đến nay			KHV phân bổ đợt này			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	NSTP	NS Xã	
			NSTP	NS Xã		NSTP	NS Xã				
	TỔNG CỘNG	54.989,880	18.850,000	36.139,880	24.628,910	-	24.628,910	8.843,580	5.000,000	3.843,580	
I	DANH MỤC ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026	32.839,880	-	32.839,880	24.628,910	-	24.628,910	2.693,580	-	2.693,580	
1	Nâng cấp, mở rộng CSVC trường Mẫu giáo Vành Khuyên	2.939,000		2.939,000	-		-	1.632,187		1.632,187	
2	Xây dựng sân bê tông và khu thể dục, thể thao thôn Nước Oa	1.200,000		1.200,000	900,000		900,000	72,000		72,000	
3	Nối dài các tuyến kênh thuỷ lợi cánh đồng Ông Vân, cánh đồng ông Ba Nờ, cánh đồng Mẫu 2	945,000		945,000	708,750		708,750	56,700		56,700	
4	Nâng cấp mặt đường giao thông từ ngã ba cống Ông Mật đến nhà ông Nguyễn Duy Hoà	5.500,000		5.500,000	4.875,000		4.875,000	-			
5	Tuyến từ cống chào K25 vào KDT Võ Chí Công, Chu Huy Mân	4.500,000		4.500,000	3.924,000		3.924,000	-			
6	Đường GTNT từ ngã ba nhánh 2 nóc ông Phòng đến nóc ông Hiến	2.950,000		2.950,000	2.562,500		2.562,500	-			
7	Đường GTNT từ ngã ba ĐH4.BTM đến Nóc Ông Đi (cạnh nhà VH thôn Ngọc Giác)	2.015,000		2.015,000	1.511,250		1.511,250	120,900		120,900	
8	Đường GTNT từ đường Criem đi nóc ông Hà và xóm ông Dược khu vực Nà Mít	1.065,000		1.065,000	798,750		798,750	63,900		63,900	
9	Đường GTNT từ TSD đi nóc ông Thương, bà Thâm (cạnh nhà CA xã mới)	465,000		465,000	348,750		348,750	27,900		27,900	
10	Nâng cấp mặt đường từ cầu Taklay đến nóc ông Hoàng thôn Ngọc Tu	2.100,000		2.100,000	1.575,000		1.575,000	126,000		126,000	

Stt	Tên dự án/ công trình	Tổng mức đầu tư			KHV bố trí từ khởi công đến nay			KHV phân bổ đợt này			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng cộng	NSTP	NS Xã	
			NSTP	NS Xã		NSTP	NS Xã				
11	Đường GTNT từ cầu Khe Tân nối tiếp đoạn bê tông đi nóc ông Xây	1.752,494		1.752,494	1.314,371		1.314,371	105,150		105,150	
12	Hệ thống NSH suối Rác	2.187,386		2.187,386	1.640,540		1.640,540	131,243		131,243	
13	Kè chống sạt lở khu dân cư bãi Đá Trà Giác đoạn từ nhà ông Sa đến nhà ông Xu	740,000		740,000	555,000		555,000	44,400		44,400	
14	Kè chống sạt lở xóm đồng ruộng thôn Ngọc Giác	720,000		720,000	540,000		540,000	43,200		43,200	
15	Kè rọ đá cánh đồng Tinh Dầu (GD2)	2.000,000		2.000,000	1.500,000		1.500,000	120,000		120,000	
16	Kè chống sạt lở cánh đồng Mẫu 7 và cánh đồng Mẫu 2 (GD1)	2.500,000		2.500,000	1.875,000		1.875,000	150,000		150,000	
II	DANH MỤC BỔ SUNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG NĂM 2026	22.150,000	18.850,000	3.300,000	-	-	-	6.150,000	5.000,000	1.150,000	
17	Nâng cấp, mở rộng CSVC trường PTDTBT THCS Lý Tự Trọng	21.000,000	17.850,000	3.150,000	-	-	-	5.000,000	4.000,000	1.000,000	
18	Dự án thuộc Chương trình MTQG năm 2026	1.150,000	1.000,000	150,000	-	-	-	1.150,000	1.000,000	150,000	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ TRÀ TÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **369**/BC-UBND

Trà Tân, ngày **18** tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO

**Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm 2026 và
bổ sung danh mục kế hoạch đầu tư công năm 2026**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân xã Trà Tân.

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp lần thứ 5 về các nội dung liên quan đến nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn; phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển 2026 và kế hoạch đầu tư công ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 16/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quốc phòng - an ninh, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công ngân sách nhà nước kế hoạch năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Trà Tân về phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Trà Tân năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 06/02/2026 của Hội đồng nhân dân xã Trà Tân về dự kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và kế hoạch đầu tư công năm 2026 trên địa bàn xã Trà Tân;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 11/10/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Trà My (cũ) bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2024 huyện Bắc Trà My;

Căn cứ Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng Về việc chi Quỹ Phòng, chống thiên tai thành phố để hỗ trợ các địa phương khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2025;

Căn cứ Quyết định 3120/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 của UBND thành phố Về việc điều chỉnh phương án sử dụng số tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách thành phố năm 2025 và phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030;

UBND xã Trà Tân báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm 2026 và bổ sung danh mục kế hoạch đầu tư công năm 2026, cụ thể như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

I. Công tác chỉ đạo điều hành:

Năm 2026 là năm trọng tâm trong việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư công trên địa bàn xã sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp; nguyên nhân chủ yếu do nguồn vốn 03 Chương trình MTQG được TW, địa phương giai đoạn 2021-2025 được chuyển tiếp sang 2026 để thực hiện theo Nghị quyết 257/2025/QH15 của Quốc hội; đồng thời với đó là triển khai thực hiện nguồn vốn đầu tư công năm 2026 theo phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển của thành phố cho Ngân sách cấp xã, số tiền: 29,314 tỷ đồng. Do đó, nhiệm vụ, giải pháp về đẩy nhanh tiến độ thi công, thủ tục thực hiện dự án, giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án để tăng giải ngân vốn đầu tư công được UBND xác định là nhiệm vụ quan trọng ngay từ đầu năm 2026. UBND xã đã kịp thời, chủ động ban hành các văn bản chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước, đầu tư công theo đúng các Nghị quyết của Thành phố, HĐND xã giao như:

- Báo cáo công khai tổng nguồn vốn, nguyên tắc và phương án phân bổ chi tiết từng khoản chi các nguồn vốn đầu tư công; trình HĐND xã thảo luận, nhất trí thông qua tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 26/12/2025 của Hội đồng nhân dân xã Trà Tân về phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Trà Tân năm 2026; Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 06/02/2026 của Hội đồng nhân dân xã Trà Tân về dự kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và kế hoạch đầu tư công năm 2026 trên địa bàn xã Trà Tân. UBND xã ban hành Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 31/12/2026 Về việc giao dự toán thu – chi ngân sách; các Quyết định phân bổ chi tiết nguồn vốn đầu tư công năm 2026 và thực hiện chuyển nguồn vốn C hương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và năm 2025 sang năm 2026 để tiếp tục triển khai thực hiện.

- Ngay từ đầu năm 2026, UBND xã đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo giải quyết các thủ tục đầu tư công, chỉ đạo Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị tập trung khẩn trương hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án để đảm bảo điều kiện phân bổ và giải ngân kế hoạch vốn theo quy định; tiếp tục kiểm soát chặt chẽ và nâng cao chất lượng trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư, phê duyệt dự án, lựa chọn nhà thầu, thanh toán, quyết toán công trình theo đúng các quy định hiện hành. Yêu cầu chủ đầu tư các dự án khởi công mới năm 2026 chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với

các cơ quan liên quan hoàn chỉnh các thủ tục liên quan của dự án, trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư theo đúng quy định pháp.

- Đối với công tác giải ngân vốn đầu tư công 2026: Thực hiện theo chỉ đạo của thành phố tại Công văn số 5594/UBND-STC ngày 17/6/2026 về việc thực hiện các giải pháp trọng tâm đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư năm 2026 theo Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 29/4/2026 của UBND thành phố; Công văn số 5046/UBND-STC ngày 06/6/2026 Về việc thực hiện các giải pháp trọng tâm đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư năm 2026; Công văn số 434-CV/ĐU ngày 05/5/2026 của Đảng ủy xã Trà Tân tập trung chỉ đạo đẩy mạnh giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 trên địa bàn xã.

UBND xã đã tập trung quán triệt rút ngắn thời gian chuẩn bị đầu tư, từ khâu khảo sát, lập hồ sơ, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt và tổ chức lựa chọn nhà thầu. Đã tổ chức nhiều cuộc họp với các đơn vị chủ đầu tư, các đơn vị tư vấn, nhà thầu thi công trên địa bàn để đôn đốc, kiểm tra, giám sát và xử lý các vướng mắc, khó khăn của các dự án đầu tư công năm 2026 trên địa bàn xã.

II. Tình hình bố trí phân bổ, thực hiện và giải ngân

1. Tình hình bố trí, phân bổ kế hoạch vốn

- Công tác bố trí, phân bổ vốn, giao dự toán chi đầu tư XDCB cho các dự án, công trình trong năm 2026 theo nguyên tắc quy định tại Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của HĐND thành phố Đà Nẵng khóa X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp lần thứ 5 về các nội dung liên quan đến nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn; phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển 2026 và kế hoạch đầu tư công ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 16/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quốc phòng - an ninh, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công ngân sách nhà nước kế hoạch năm 2026, theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Ưu tiên bố trí thanh toán dứt điểm đối với các dự án đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành; bố trí vốn thanh toán khối lượng cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn.

+ Bố trí đủ vốn đối ứng thực hiện các nội dung theo Nghị quyết, Chương trình đã được HĐND và UBND huyện, xã cũ ban hành.

+ Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được duyệt: Tập trung bố trí vốn để hoàn thành trong năm kế hoạch và đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

+ Dự án khởi công mới thực sự cấp bách, có Quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp thẩm quyền.

- Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 trên địa bàn xã, cụ thể:

TT	Nội dung	Số dự án	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 (đvt: triệu đồng)			
			Tổng cộng	TW	TP	Xã
1	Vốn giai đoạn 2021-2025 và năm 2025 chuyển sang	38	29.889,589	17.226,291	7.984,298	0
2	Vốn giao đầu năm 2026	15	29.314			29.314
a	Vốn giao thực hiện công trình chuyển tiếp		4.679	0	0	4.679
b	Vốn khởi công mới		24.635	0	0	24.635
	Tổng cộng:		54.524,589	17.226,291	7.984,298	29.314

* Kết quả phân bổ và thực hiện các nguồn vốn đầu tư đến ngày 30/06/2026 (kể cả chuyển nguồn sang năm 2026 bao gồm vốn tạm ứng kéo dài) là 54.524,589 triệu đồng. Trong đó:

Nguồn ngân sách Trung ương: 17.226,291 triệu đồng;

Nguồn vốn ngân sách thành phố: 7.984,298 triệu đồng;

Nguồn vốn ngân sách xã: 29.314 triệu đồng

2. Tình hình giải ngân kế hoạch vốn

- Giá trị giải ngân vốn đầu tư công đến ngày 30/06/2026 (vốn đã phân bổ đến các dự án) trên địa bàn xã là 18.338,688 triệu đồng, đạt 33,63% so với kế hoạch vốn đã phân bổ.

Trong đó:

+ Nguồn ngân sách Trung ương thực hiện: 6.914,749 triệu đồng, đạt 40,14% kế hoạch vốn;

+ Nguồn vốn ngân sách thành phố thực hiện: 1.899,768 triệu đồng, đạt 23,79% kế hoạch vốn;

+ Nguồn vốn ngân sách xã thực hiện: 9.524,171 triệu đồng, đạt 32,49% kế hoạch vốn.

- Nếu tính trên tổng kế hoạch vốn năm 2026 đạt 33,63% (18.338,688 triệu đồng/54.524,589 triệu đồng) (Kèm theo Phụ lục chi tiết số 01: Tình hình thực hiện vốn đầu tư công 06 tháng đầu năm 2026)

3. Tình hình triển khai thực hiện các công trình chuyển tiếp và khởi công

mới năm 2026

- Tổng số công trình chuyển tiếp được đầu tư bằng kế hoạch vốn năm 2025 chuyển sang là 38 công trình với tổng kế hoạch vốn là 29.889,589 triệu đồng (*chi tiết kèm theo phụ lục 02*), giải ngân đến 30/6/2026 là 9.289,164 triệu đồng, bằng 31,08% kế hoạch vốn đã phân bổ.

- Tổng số công trình được đầu tư bằng kế hoạch vốn năm 2026 khởi công mới theo Nghị quyết 03/NQ HĐND ngày 06/02/2026 là 17 công trình (trong đó: 01 công trình dự kiến đầu tư sau khi phát sinh nguồn) với tổng kế hoạch vốn là 24,635 triệu đồng (*chi tiết kèm theo phụ lục 03*), giải ngân đến 30/6/2026 là 9.049,524 triệu đồng, bằng 37% kế hoạch vốn đã phân bổ.

- Tổng kế hoạch vốn 2026 dự kiến bố trí thanh toán khối lượng, quyết toán hoàn thành cho dự án giai đoạn 2021-2025 chuyển sang năm 2026 là 4,679 triệu đồng.

4. Tình hình nợ khối lượng hoàn thành trên địa bàn xã

Số nợ khối lượng hoàn thành tính đến hết quý II năm 2026: là 0 đồng. UBND xã đã có văn bản chỉ đạo các đơn vị tập trung kiểm soát, thanh toán nợ khối lượng thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn xã, cụ thể:

- Các cơ quan, đơn vị khẩn trương rà soát số liệu nợ đọng; hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục phê duyệt, trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành theo đúng thời hạn quy định, đồng thời ưu tiên bố trí vốn để thanh toán nợ trước khi bố trí dự án khởi công mới theo thẩm quyền và chỉ đạo của UBND thành phố; tham mưu báo cáo cơ quan thẩm quyền bố trí vốn để thanh toán nợ khối lượng đã phê duyệt quyết toán theo quy định.

- Phòng Kinh tế chủ trì, tham mưu UBND xã ưu tiên bố trí nguồn vốn thanh toán nợ đối với các công trình thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã khi xuất hiện nguồn; định kỳ hằng quý báo cáo tình hình xử lý, thanh toán nợ khối lượng hoàn thành các dự án đầu tư cho UBND xã để theo dõi, chỉ đạo. Đồng thời đôn đốc các cơ quan, đơn vị trong việc xử lý, thanh toán nợ. Đồng thời, theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị, địa phương tập trung hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục để phê duyệt, trình cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán vốn đầu tư các dự án hoàn thành đảm bảo đúng thời hạn quy định

III. Đánh giá một số kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm

Nguồn vốn đầu tư công được phân bổ thực hiện trên địa bàn xã năm 2026 bao gồm vốn chuyển tiếp 3 Chương trình MTQG sang năm 2026 và kế hoạch vốn năm

2026 đã tạo ra áp lực do công tác tiếp nhận, bàn giao, chuẩn bị đầu tư trong thời gian ngắn. Tuy nhiên, công tác phân bổ vốn được thực hiện công khai, minh bạch và theo nguyên tắc bố trí đối ứng; ưu tiên bố trí vốn cho các dự án hoàn thành đã có quyết định quyết toán, các dự án hoàn thành chưa có quyết định quyết toán, sau đó mới bố trí cho các dự án chuyển tiếp, khởi công mới theo khả năng cân đối vốn. Theo đó, kế hoạch đầu tư công năm 2026 đã được các cấp chủ động phân bổ cụ thể cho từng chương trình, dự án để triển khai kịp thời ngay từ đầu năm kế hoạch.

Tiếp tục thực hiện lồng ghép các nguồn vốn ngân sách địa phương, hỗ trợ từ Tỉnh, Trung ương để đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp sửa chữa trụ sở các xã, khắc phục bão lũ các tuyến giao thông, các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất, điện chiếu sáng, Khu dân cư phòng chống tránh trú bão;

Công tác hoàn ứng, thu hồi nợ tạm ứng, nợ tạm ứng quá hạn được tập trung chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị xử lý nhằm đẩy nhanh trong công tác thanh toán, giải ngân vốn đầu tư công năm 2026 và hạn chế được những rủi ro đầu tư. Kết quả giải ngân kế hoạch vốn năm 2026 đến 30/6 đạt trên 30% cơ bản đạt theo kế hoạch thực hiện Chỉ thị 04/CT-UBND ngày 29/4/2026 của UBND thành phố.

Kế hoạch năm 2026 khởi công mới 17 dự án. Tính đến ngày 30/6/2026, có 15 dự án đã phê duyệt, được phân bổ kế hoạch vốn triển khai; còn lại còn 02 dự án chưa đảm bảo thủ tục đầu tư: trong đó 01 dự án điều chỉnh mặt bằng, qui mô, tổng mức đầu tư; 01 dự án đã trình cấp trên thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư (Chi tiết kèm theo phụ lục 04). Các dự án chuyển tiếp đang tiếp tục triển khai thực hiện, tuy nhiên vẫn còn một số dự án gặp vướng mắc về công tác giải phóng mặt bằng.

IV. Các tồn tại, vướng mắc

1. Nguyên nhân khách quan:

- Các dự án theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 11/10/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Trà My (cũ) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 (địa bàn xã Trà Giác cũ): Danh mục công trình không có chi phí giải phóng mặt bằng. Trong khi, hướng tuyến công trình ảnh hưởng trực tiếp đến đất, cây cối, vật kiến trúc của nhân dân.

- Giá cước vận chuyển tăng; các mỏ vật liệu khan hiếm; giá nguyên liệu, vật liệu xây dựng tăng cao nên nhà thầu gặp khó khăn trong việc tập kết vật tư, vật liệu. Đồng thời, làm cho dự toán vượt tổng mức so với chủ trương đầu tư ban đầu.

- Việc triển khai thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp phải điều chỉnh thay đổi chủ đầu tư; các văn bản quy phạm pháp luật chưa điều chỉnh, bổ sung; chờ

phân cấp phân quyền; công tác tiếp nhận bàn giao tốn nhiều thời gian.

- Việc kiện toàn và xác định đơn vị thực hiện nhiệm vụ làm chủ đầu tư phải chờ văn bản hướng dẫn của cấp trên. Nhân sự đáp ứng chuyên môn về quản lý dự án đầu tư còn hạn chế, nhất là vị trí lãnh đạo quản lý.

2. Nguyên nhân chủ quan:

- Xác định chủ trương đầu tư chưa sát thực tế; một số danh mục đầu tư công có tổng mức đầu tư chưa đảm bảo cần phải điều chỉnh, bổ sung; Các dự án theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 11/10/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Trà My (cũ) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 (địa bàn xã Trà Giác cũ) không có chi phí giải phóng mặt bằng. Trong khi, công tác lựa chọn danh mục công trình chưa được bàn bạc thống nhất trong nhân dân, dẫn đến gặp rất nhiều khó khăn trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân trong vùng hưởng lợi ủng hộ hiến đất, cây cối, vật kiến trúc để đảm bảo mặt bằng triển khai xây dựng công trình.

- Chất lượng hồ sơ trình phê duyệt ban đầu còn nhiều thiếu sót, dẫn đến hồ sơ thiết kế ở một số dự án phải điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp và nhu cầu của đơn vị sử dụng làm cho việc lập thủ tục đầu tư kéo dài;

- Một số nhà thầu thi công chưa tập trung nhân lực, máy móc để triển khai thi công xây dựng; một số nhà thầu khi tham gia đấu thầu thì năng lực trên hồ sơ đảm bảo, nhưng thực tế triển khai thi công tại hiện trường không đảm bảo, dẫn đến tiến độ chậm trễ;

- Năng lực chủ đầu tư bộc lộ nhiều hạn chế trong quản lý các dự án đầu tư xây dựng do hạn chế năng lực chuyên môn;

B. ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐƯỢC PHÉP KÉO DÀI SANG NĂM 2026 VÀ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

I. Các dự án theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 11/10/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Trà My (cũ) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 (địa bàn xã Trà Giác cũ):

1. Các dự án cắt giảm do vướng mặt bằng không triển khai thực hiện đầu tư:

- Đường GTNT đoạn từ nhà ông Tài đi nhà ông Đồng, nóc ông Lam; từ nhà ông Nhơn đi nhà ông Dương, nóc ông Phòng, thôn 4, xã Trà Giác;

- Đường GTNT từ trạm y tế xã Trà Giác đến nhà ông Nhơn;

- Đường GTNT từ nhà bà Trung đi nóc ông Kỳ, thôn 1, xã Trà Giác.

(Chi tiết tại Báo cáo số 193/BC-CUDVSNC ngày 08/7/2026 và Công văn số 800/UBND- CUDVSNC ngày 08/7/2026).

2. Bổ sung danh mục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 được phép kéo dài sang năm 2026 từ Nghị quyết 03/NQ HĐND ngày 06/02/2026 của Hội đồng nhân dân xã Trà Tân, gồm:

- Đường GTNT liên thôn Nóc Bà Lĩnh, thôn Ngọc Giác;
- Đường ngõ xóm nóc ông Long, thôn Trà Giác;
- Hệ thống điện năng lượng mặt trời thôn Nước Oa;
- Nâng cấp, mở rộng CSVC trường PTDTBT THCS Lý Tự Trọng;
- Dự án thuộc Chương trình MTQG năm 2026 dự kiến thực hiện theo Điều 5, Nghị quyết số 48/2026/NQ-HĐND ngày 29/5/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố;
- Dự án Khắc phục thiên tai do ảnh hưởng của các cơn bão số 11,12 năm 2025 gây ra (Hạng mục: Kè bờ sông bảo vệ tuyến đường ĐH4 (Km0+900 - Km0 +950 và Km2 + 200 - Km2 +264);
- Dự án Khắc phục thiệt hại do ảnh hưởng của các cơn bão, lũ số 11, 12 năm 2025 gây ra (Hạng mục: Kè bảo vệ trường TH Trần Cao Vân và trường THCS Lý Tự Trọng).

(Chi tiết dự kiến qui mô, tổng mức đầu tư theo PL 05)

II. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2026

1. Cắt giảm nguồn Chi đầu tư phát triển theo Nghị quyết 03/NQ HĐND ngày 06/02/2026: 4.679 triệu đồng được cắt giảm xuống còn: 835,420 triệu đồng;

Cụ thể:

- Cắt giảm nguồn bố trí để thanh toán khối lượng các dự án hoàn thành từ năm 2021 đến hết năm 2025: từ 2.000 triệu đồng xuống còn 0 triệu đồng;
- Cắt giảm nguồn bố trí cho các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030: từ 2.679 triệu đồng xuống còn 835,420 triệu đồng;

* Nguyên nhân: Sau khi rà soát các dự án được chuyển tiếp từ các chủ đầu tư cũ (trước sáp nhập) đến nay đã được bố trí vốn tương đối đảm bảo cho từng dự án, nên việc bố trí vốn để thực hiện công tác thanh toán khối lượng và bố trí cho các dự án chuyển tiếp không còn phù hợp.

2. Điều chỉnh qui mô, tăng tổng mức đầu tư dự án:

2.1. Dự án Nâng cấp, mở rộng CSVC trường Mẫu giáo Vành Khuyên;

* Nguyên nhân điều chỉnh, bổ sung: Do vướng mặt bằng, không đảm bảo diện tích thi công dẫn đến phải điều chỉnh vị trí xây dựng công trình.

* Điều chỉnh qui mô: Xây mới khối nhà 02 tầng gồm: Tầng 01: Phòng tin, kho, bảo vệ; Tầng 02: Phòng GDTC, phòng GDNT thành: Xây mới khối 02 tầng gồm: Tầng 01: Phòng GDNT, kho, bảo vệ; Tầng 02: Phòng GDTC, phòng tin, và các hạng mục phụ trợ.

* Điều chỉnh TMĐT: Từ 2.200 triệu đồng (NQ03) lên 2.939 triệu đồng.

* Lý do tăng TMĐT: Cập nhật đơn giá, định mức.

2.2. Dự án Đường GTNT liên thôn Nóc Bà Lĩnh, thôn Ngọc Giác

* Nguyên nhân bổ sung: Do các dự án thuộc CT MTQG GNBV theo NQ31/NQ-HĐND ngày 11/10/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Trà My (cũ) cắt giảm, dừng đầu tư do vướng mặt bằng. Nên bổ sung danh mục đầu tư công trung hạn từ GD 2026-2030 để thực hiện.

* Điều chỉnh qui mô:

- Quy mô điều chỉnh: Xây mới tuyến đường BTXM dài 200m (NQ03) thành Xây mới tuyến đường BTXM dài khoảng 450m

- Lý do điều chỉnh: Do lỗi số học.

* Điều chỉnh TMĐT: Từ 2.100 triệu đồng (NQ03) lên 2.200 triệu đồng.

* Lý do tăng TMĐT: Cập nhật đơn giá, định mức.

2.3. Đường ngõ xóm nóc ông Long, thôn Trà Giác

* Nguyên nhân bổ sung: Do các dự án thuộc CT MTQG GNBV theo NQ31/NQ-HĐND ngày 11/10/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Bắc Trà My (cũ) cắt giảm, dừng đầu tư do vướng mặt bằng. Nên bổ sung danh mục đầu tư công trung hạn từ GD 2026-2030 để thực hiện.

* Điều chỉnh qui mô: Xây mới 01 cầu bê tông dài khoảng 25m, rộng 5m thành Xây mới tuyến đường BTXM dài khoảng 80m và các hạng mục phụ trợ trên tuyến.

- Lý do điều chỉnh: Rà soát danh mục kế thừa từ xã cũ chưa sát với thực tế.

* Điều chỉnh TMĐT: Từ 1.100 triệu đồng (NQ03) xuống 354 triệu đồng.

2.4. Dự án Nâng cấp, mở rộng CSVC trường PTDTBT THCS Lý Tự Trọng.

* Nguyên nhân bổ sung: Bổ sung danh mục đầu tư công năm 2026 do sát sinh nguồn (Quyết định 3120/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 của UBND thành phố Về việc điều chỉnh phương án sử dụng số tăng thu so với dự toán, dự toán chi còn lại của ngân sách thành phố năm 2025 và phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030)

* Điều chỉnh TMĐT: từ 16.500 triệu đồng (NQ03) lên 21.000 triệu đồng

* Lý do tăng TMĐT: Cập nhật đơn giá, định mức.

* Nguồn vốn: Quyết định 3120/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 của UBND thành phố và ngân sách xã.

2.5. Dự án Khắc phục thiên tai do ảnh hưởng của các cơn bão số 11,12 năm 2025 gây ra (Hạng mục: Kè bờ sông bảo vệ tuyến đường ĐH4 (Km0+900 - Km0 +950 và Km2 + 200 - Km2 +264)

* Nguyên nhân bổ sung: Bổ sung danh mục đầu tư công năm 2026 do phát sinh nguồn (Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng Về việc chi Quỹ Phòng, chống thiên tai thành phố để hỗ trợ các địa phương khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2025)

* Điều chỉnh TMĐT: từ 2.280 triệu đồng (NQ03) lên 2.800 triệu đồng

* Lý do tăng TMĐT: Cập nhật đơn giá, định mức.

* Nguồn vốn: Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng và ngân sách xã.

2.6. Dự án Khắc phục thiệt hại do ảnh hưởng của các cơn bão, lũ số 11, 12 năm 2025 gây ra (Hạng mục: Kè bảo vệ trường TH Trần Cao Vân và trường THCS Lý Tự Trọng

* Nguyên nhân bổ sung: Bổ sung danh mục đầu tư công năm 2026 do phát sinh nguồn (Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng Về việc chi Quỹ Phòng, chống thiên tai thành phố để hỗ trợ các địa phương khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra năm 2025).

* Điều chỉnh TMĐT: từ 1.600 triệu đồng (NQ03) lên 2.000 triệu đồng.

* Lý do tăng TMĐT: Cập nhật đơn giá, định mức.

* Nguồn vốn: Quyết định số 3071/QĐ-UBND ngày 09/7/2026 của UBND thành phố Đà Nẵng và ngân sách xã.

3. Cân đối nguồn:

3.1. Đối với danh mục Bổ sung danh mục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 được phép kéo dài sang năm 2026 từ Nghị quyết 03/NQ HĐND ngày 06/02/2026 của Hội đồng nhân dân xã Trà Tân:

- Sử dụng nguồn đã bố trí cho các dự án dựng thực hiện do vướng mặt bằng; các dự án đã được quyết toán A-B, kiểm toán, quyết toán hoàn thành;

(Chi tiết kèm theo phụ lục 06)

- Bố trí nguồn vốn dự cho các dự án bổ sung thực hiện chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 kéo dài sang năm 2026 cho 03 công trình: 2.551,079 triệu đồng.

(Chi tiết kèm theo phụ lục 06.1)

3.2. Đối với nguồn Chi đầu tư phát triển theo Nghị quyết 03/NQ HĐND ngày 06/02/2026: 3.843,580 triệu đồng.

- Bố trí bổ sung do tăng TMĐT công trình Nâng cấp, mở rộng CSVC trường Mẫu giáo Vành Khuyên: 1.632,187 triệu đồng.

- Bố trí tăng KHV bố trí năm 2026 so với Nghị quyết 03/NQ HĐND ngày 06/02/2026 cho 12 công trình đầu tư công kế hoạch năm 2026 đang triển khai thi công: 1.061,393 triệu đồng.

- Bố trí đối ứng Chương trình MTQG kế hoạch năm 2026: 1.150 triệu đồng.

(Chi tiết kèm theo phụ lục 07)

C. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CÔNG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

Nhằm nâng cao hiệu quả kế hoạch đầu tư công năm 2026 và đạt được mục tiêu giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn đầu tư năm 2026, trong 6 tháng cuối của năm 2026 cần tập trung thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp sau:

(1) Tiếp tục tập trung giải quyết vướng mắc, khó khăn, đặc biệt là công tác chuẩn bị các thủ tục đầu tư, triển khai đầu tư. Các chủ đầu tư cần rà soát các dự án có tỷ lệ giải ngân thấp tập trung đôn đốc, tổ chức nghiệm thu, thanh quyết toán dự án ngay khi có khối lượng thực hiện, không để dồn việc thanh toán vào cuối năm.

(2) Nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; thường xuyên rà soát, đôn đốc, kịp thời phát hiện và tháo gỡ

các khó khăn vướng mắc phát sinh của từng dự án, nhất là các có vướng mắc về mặt bằng, vốn đầu tư lớn; gắn trách nhiệm hoàn chỉnh thủ tục đầu tư, giải ngân kế hoạch vốn của các dự án đến từng cá nhân; coi đây là một trong những căn cứ quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2026 của tổ chức, cá nhân liên quan.

(3) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được giao chủ đầu tư tập trung đẩy nhanh tiến độ hoàn thành thủ tục đầu tư các dự án khởi công mới năm 2026.

(4) Dự báo sớm các dự án chậm giải ngân, tăng, giảm... do các lý do khách quan, bất khả kháng để điều chuyển đảm bảo giải ngân đạt 100% vào cuối năm 2026 đối với các nguồn vốn theo các văn bản chỉ đạo của UBND thành phố.

(5) Các cơ quan, đơn vị được giao chủ đầu tư tổ chức họp giao ban hàng tuần, hàng tháng để bàn bạc và đẩy nhanh công tác giải ngân vốn đầu tư công, thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ tình hình thực hiện và giải ngân đầu tư công năm 2026 chi tiết theo từng tháng đối với từng dự án, công trình, hạng mục công trình do cơ quan, đơn vị làm chủ đầu tư. Trong đó, đối với các dự án có tỷ lệ giải ngân thấp phải nêu rõ nguyên nhân, đề xuất hướng xử lý, tháo gỡ kịp thời và những dự án dự kiến không thể giải ngân được yêu cầu chủ đầu tư giải trình rõ vướng mắc để UBND xã kịp thời chỉ đạo.

Trên đây là nội dung báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công 6 tháng đầu năm 2026; điều chỉnh, bổ sung danh mục kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 được phép kéo dài sang năm 2026 và kế hoạch đầu tư công năm 2026. Kính trình kỳ họp thứ ba, HĐND xã khoá XI, nhiệm kỳ 2026-2031 xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Minh Chiến

[illegible]

BÁO CÁO TIẾN HÌNH TRIỂN KHAI VÀ GIẢI NGÂN CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 ĐẾN NGÀY 07/7/2026



Đơn vị tính: nghìn đồng																																																		
STT	Danh mục dự án	Mã ngành kinh tế	Quyết định đầu tư dự án				Loại kế vốn đã phân bổ từ khối công				Tổng số	Trung độ kế hoạch vốn các năm trước kéo dài sang năm 2026				Trong đó vốn phân bổ năm 2026	Khối lượng thực hiện đến nay	Lũy kế giá trị giải ngân đến nay				Tổng số	Trong đó giá trị giải ngân vốn kéo dài sang năm 2026				Trong đó giải ngân vốn năm 2026	Kế hoạch vốn còn lại				Tỷ lệ giải ngân thực hiện đến nay (%)	Tỷ lệ giải ngân vốn kéo dài và phân bổ năm 2026	Tỷ lệ giải ngân vốn trước kéo dài sang năm 2026 đến nay (%)	Tỷ lệ giải ngân vốn năm 2026 đến nay (%)	Ghi chú														
			Số, ngày, tháng, năm	Mã dự án	Tổng mức đầu tư		Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số			Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số		Trong đó		Tổng số	Trong đó						Tổng số	Trong đó												
					NSTW	NSTP	NSTW	NSTP		NSTW			NSTP	NSTW				NSTP	NSTW		NSTP			NSTW	NSTP			NSTW	NSTP		NSTW							NSTP	NSTW	NSTP	NSTW	NSTP	NSTW	NSTP	NSTW	NSTP	NSTW	NSTP	NSTW	NSTP
1	2	3	4	(5 = 6+7)	6	7	(8 = 9+10)	9	10	(11 = 12+13)	12 = 13+14	13	14	15	16	17	18	19	20=21+24	21	22	23	24	25=26+27	26=9-19	27=10-20	28=17-8	29=20/11	30=21/12	31=24/15	32																			
TỔNG CỘNG																																																		
	Dự án khởi công mới năm 2026			30.591.831	-	30.591.831	24.635.000	-	24.635.000	24.635.000	-	-	-	24.635.000	1.824.387	9.049.524	-	9.049.524	9.049.524	-	-	-	9.049.524	15.585.476	-	15.585.476	37%	37%	-	37%																				
#	Vốn ngân sách xã			30.591.831	0	30.591.831	24.635.000	0	24.635.000	24.635.000	0	0	0	24.635.000	1.824.387	9.049.524	0	9.049.524	9.049.524	0	0	0	9.049.524	15.585.476	0	15.585.476	37%	37%	-	37%																				
1	Xây dựng sân bóng và khu thể dục, thể thao thôn Nước Cú	221	475/07/5/26	8190820	1.200.000	0	1.200.000	900.000	0	900.000	900.000	0	0	0	900.000	70.030	375.600	0	375.600	375.600	0	0	0	375.600	524.400	0	524.400	42%	42%	-	42%																			
2	Nội thất các tuyến kênh thủy lợi cạnh đồng Ông Văn, cạnh đồng Ông Bà Nô, cạnh đồng Mầu 2	283	476/07/5/26	8190821	897.417	0	897.417	709.000	0	709.000	709.000	0	0	0	709.000	90.507	459.320	0	459.320	459.320	0	0	0	459.320	249.680	0	249.680	65%	65%	-	65%																			
3	Nâng cấp nút đường giao thông từ ngã ba công Ông Mát đến nhà ông Nguyễn Duy Hoi	292	478/07/5/26	8190822	5.500.000	0	5.500.000	4.875.000	0	4.875.000	4.875.000	0	0	0	4.875.000	257.473	1.270.171	0	1.270.171	1.270.171	0	0	0	1.270.171	3.604.829	0	3.604.829	26%	26%	-	26%	Đầu thầu																		
4	Tuyến từ công chào K25 vào KĐT Vồ Chi Công, Chu Hưu Mân	292	485/07/5/26	8190993	4.500.000	0	4.500.000	3.924.000	0	3.924.000	3.924.000	0	0	0	3.924.000	202.261	958.470	0	958.470	958.470	0	0	0	958.470	2.965.530	0	2.965.530	24%	24%	-	24%	Đầu thầu																		
5	Đường GTNT từ ngã ba nhình 2 nóc ông Phươ đến nóc ông Lừu	292	479/07/5/26	8190819	2.950.000	0	2.950.000	2.563.000	0	2.563.000	2.563.000	0	0	0	2.563.000	172.140	705.275	0	705.275	705.275	0	0	0	705.275	1.857.725	0	1.857.725	28%	28%	-	28%	Đầu thầu																		
6	Đường GTNT từ ngã ba ĐE4.BTM đến Nóc Ông Di (cạnh nhà VH thôn Ngọc Giàng)	292	450/29/4/26	8189226	2.015.000	0	2.015.000	1.511.000	0	1.511.000	1.511.000	0	0	0	1.511.000	119.099	636.911	0	636.911	636.911	0	0	0	636.911	874.089	0	874.089	42%	42%	-	42%																			
7	Đường GTNT từ đường Cricm đi nóc ông Hà và xóm ông Dược khu vực Nà Mát	292	445/29/4/26	8189117	1.065.000	0	1.065.000	799.000	0	799.000	799.000	0	0	0	799.000	90.254	799.000	0	799.000	799.000	0	0	0	799.000	0	0	0	0	100%	100%	-	100%																		
8	Đường GTNT từ TSD đi nóc ông Thương, bà Thâm (cạnh nhà CA xã mơn)	292	452/29/4/26	8189380	465.000	0	465.000	349.000	0	349.000	349.000	0	0	0	349.000	41.665	158.320	0	158.320	158.320	0	0	0	158.320	190.680	0	190.680	45%	45%	-	45%																			
9	Nâng cấp nút đường từ cầu Taklay đến nóc Ông Hoàng thôn Ngao, Lu	292	461/05/5/26	8190216	2.100.000	0	2.100.000	1.575.000	0	1.575.000	1.575.000	0	0	0	1.575.000	127.977	673.932	0	673.932	673.932	0	0	0	673.932	901.068	0	901.068	43%	43%	-	43%																			
10	Đường GTNT từ cầu Khu Tân nối tiếp đoạn bị tụt đi nóc ông Xáy	292	451/29/4/26	8189379	1.752.494	0	1.752.494	1.319.000	0	1.319.000	1.319.000	0	0	0	1.319.000	109.135	545.845	0	545.845	545.845	0	0	0	545.845	773.155	0	773.155	41%	41%	-	41%																			
11	Hệ thống NSH suối Rác	311	477/07/5/26	8190823	2.187.000	0	2.187.000	1.641.000	0	1.641.000	1.641.000	0	0	0	1.641.000	152.227	697.400	0	697.400	697.400	0	0	0	697.400	943.600	0	943.600	42%	42%	-	42%																			
12	Kê chống sạt lở khu dân cư bãi Đả Tra Giàu đến từ nhà ông Sa đến nhà ông Xu	285	443/24/4/26	8188852	740.000	0	740.000	555.000	0	555.000	555.000	0	0	0	555.000	57.486	246.320	0	246.320	246.320	0	0	0	246.320	308.680	0	308.680	44%	44%	-	44%																			
13	Kê chống sạt lở xóm đồng ruộng thôn Ngao Giàng	281	457/04/5/26	8190218	719.920	0	719.920	540.000	0	540.000	540.000	0	0	0	540.000	43.878	223.320	0	223.320	223.320	0	0	0	223.320	316.680	0	316.680	41%	41%	-	41%																			
14	Kê rọ đá cạnh đồng Tỉnh Dầu (GD2)	281	446/29/4/26	8189227	2.000.000	0	2.000.000	1.500.000	0	1.500.000	1.500.000	0	0	0	1.500.000	140.485	1.121.300	0	1.121.300	1.121.300	0	0	0	1.121.300	378.700	0	378.700	75%	75%	-	75%																			
15	Kê chống sạt lở cạnh đồng Mầu 7 và cạnh đồng Mầu 2 (GD1)	281	459/04/5/26	8189559	2.500.000	0	2.500.000	1.875.000	0	1.875.000	1.875.000	0	0	0	1.875.000	149.750	178.340	0	178.340	178.340	0	0	0	178.340	1.696.660	0	1.696.660	10%	10%	-	10%	Đầu thầu																		

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2026

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên dự án/ công trình	Số Quyết định Phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Ghi chú
	TỔNG CỘNG			
A	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO			
1	Nâng cấp, mở rộng CSVC trường Mẫu giáo Vành Khuyên	Chưa phê duyệt	2.200,000	Điều chỉnh mặt bằng, qui mô, tổng mức đầu tư
B	VĂN HÓA - THỂ THAO			
2	Xây dựng sân bê tông và khu thể dục, thể thao thôn Nước Oa	475; 07/5/2026	1.200,000	Đang triển khai
C	THỦY LỢI			
3	Nối dài các tuyến kênh thủy lợi cánh đồng Ông Vân, cánh đồng ông Ba Nờ, cánh đồng Mẫu 2	476; 07/5/2026	945,000	Đang triển khai
D	GIAO THÔNG			
4	Nâng cấp mặt đường giao thông từ ngã ba cống Ông Mật đến nhà ông Nguyễn Duy Hoà	478; 07/5/2026	5.500,000	Đang triển khai
5	Tuyến từ cổng chào K25 vào KDT Võ Chí Công, Chu Huy Mân	485; 07/5/2026	4.500,000	Đang triển khai
6	Đường GTNT từ ngã ba nhánh 2 nóc ông Phòng đến nóc ông Hiến	479; 07/5/2026	2.950,000	Đang triển khai
7	Đường GTNT từ ngã ba ĐH4.BTM đến Nóc Ông Đi (cạnh nhà VH thôn Ngọc Giác)	450; 29/4/2026	2.015,000	Đang triển khai
8	Đường GTNT từ đường Criem đi nóc ông Hà và xóm ông Dực khu vực Nà Mít	445/29/4/2026	1.065,000	Đang triển khai
9	Đường GTNT từ TSD đi nóc ông Thương, bà Thâm (cạnh nhà CA xã mới)	452; 29/4/2026	465,000	Đang triển khai
10	Nâng cấp mặt đường từ cầu Taklay đến nóc ông Hoàng thôn Ngọc Tu	461; 05/5/2026	2.100,000	Đang triển khai
11	Đường GTNT từ cầu Khe Tân nối tiếp đoạn bê tông đi nóc ông Xây	451; 29/4/2026	1.752,494	Đang triển khai
E	NƯỚC SINH HOẠT			
12	Hệ thống NSH suối Rác	477; 07/5/2026	2.187,386	Đang triển khai
F	NÔNG NGHIỆP, HẠ TẦNG KỸ THUẬT			
13	Kè chống sạt lở khu dân cư bãi Đá Trà Giác đoạn từ nhà ông Sa đến nhà ông Xu	443; 24/4/2026	740,000	Đang triển khai
14	Kè chống sạt lở xóm đồng ruộng thôn Ngọc Giác	457; 04/5/2026	720,000	Đang triển khai
15	Kè rọ đá cánh đồng Tinh Dầu (GD2)	446; 29/4/2026	2.000,000	Đang triển khai
16	Kè chống sạt lở cánh đồng Mẫu 7 và cánh đồng Mẫu 2 (GD1)	459; 04/5/2026	2.500,000	Đang triển khai
G	HOẠT ĐỘNG QLNN, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ VÀ HỘI ĐOÀN THỂ			
17	Nhà Công vụ UBND xã Trà Tân		2.200,000	Đã có văn bản dừng dự án tại Công văn số 12646/SXD-QLN ngày 11/7/2026

Phụ lục 5
BỔ SUNG DANH MỤC VÀ ĐIỀU CHỈNH TỔNG MỨC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên dự án/ công trình	Địa điểm	Năm thực hiện	Tổng mức theo Nghị quyết 03/NQ-HĐND	Tổng mức sau điều chỉnh	Dự kiến T/MĐT/ Cơ cấu nguồn vốn			Quy mô xây dựng	Quy mô xây dựng điều chỉnh	Ghi chú
						Tổng	NSTW	NSTP			
I	Điều chỉnh tổng mức, quy mô đầu tư			2.200,000	2.939,000	2.939,000	-	-	2.939,000		
1	Nâng cấp, mở rộng CSVC trường Mẫu giáo Vành Khuyên	Thôn Ngọc Giác	2026	2.200,000	2.939,000	2.939,000			2.939,000	Xây mới khối nhà 02 tầng gồm: Tầng 01: Phòng tin, kho, bảo vệ; Tầng 02: Phòng GDTC, phòng GDNT thành	Xây mới khối 02 tầng gồm: Tầng 01: Phòng GDNT, kho, bảo vệ; Tầng 02: Phòng GDTC, phòng tin, và các hạng mục phụ trợ.
II	Bổ sung danh mục Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025			4.050,000	3.404,000	3.404,000	1.575,501	975,578	536,408		
2	Đường GTNT liên thôn Nóc Bà Linh, thôn Ngọc Giác	Thôn Ngọc Giác	2026	2.100,000	2.200,000	2.200,000	1.021,661	658,748	203,078	Xây mới tuyến đường BTXM dài 200m	Xây mới tuyến đường BTXM dài khoảng 450m
3	Đường ngõ xóm nóc ông Long, thôn Trà Giác	Thôn Ngọc Tu	2026	1.100,000	354,000	354,000	162,840	24,490	166,670	Xây mới 01 cầu bê tông dài khoảng 25m, rộng 5m	Xây mới tuyến đường BTXM dài khoảng 80m và các hạng mục phụ trợ trên tuyến
4	Hệ thống điện năng lượng mặt trời thôn Nước Oa	Thôn Nước Oa	2026	850,000	850,000	850,000	391,000	292,340	166,660	Đầu tư mới khoảng 2.000m đường điện với khoảng cách 40m/trụ	Đầu tư mới khoảng 2.000m đường điện với khoảng cách 40m/trụ
III	Bổ sung danh mục Chương trình MTQG năm 2026			16.500,000	21.000,000	21.000,000	-	17.850,000	3.150,000		
5	Nâng cấp, mở rộng CSVC trường PTDTBT THCS Lý Tự Trọng	Thôn Ngọc Giác	2026	16.500,000	21.000,000	21.000,000		17.850,000	3.150,000	Nhà ở bán trú; Nhà công vụ; Khối hành chính quản trị; Khối học tập, hỗ trợ học tập; các hạng mục phụ trợ khác	
6	Dự án thuộc Chương trình MTQG năm 2026	Xã Trà Tân	2026	0	0	1.000,000		1.000,000	150,000	Dự kiến thực hiện theo Điều 5, Nghị quyết số 48/2026/NQ-HĐND ngày 29/5/2026 của Hội đồng nhân dân thành phố	Quyết định 3120/QĐ-UBND ngày 15/7/2026 của UBND thành phố
IV	Bổ sung danh mục ngân sách thành phố			3.880,000	4.800,000	4.800,000	-	4.500,000	300,000		
7	Khắc phục thiệt hại do ảnh hưởng của các cơn bão, lũ số 11, 12 năm 2025 gây ra (Hạng mục: Kè bờ sông bảo vệ tuyến đường ĐH4 (Km0+900 -:- Km0+952 và Km2+200 -:- Km2+264)	Thôn Ngọc Tu	2026	2.280,000	2.800,000	2.800,000		2.625,000	175,000	- Kè rọ đá bảo vệ tuyến đường ĐH4 đoạn từ (Km0+900 -:- Km0+952) chiều dài kè khoảng 52m, loại rọ (2x1x0,5)m. - Kè rọ đá bảo vệ tuyến đường ĐH4 đoạn từ (Km2+200 -:- Km2+264) chiều dài kè khoảng 64m, loại rọ (2x1x0,5)m	Quỹ phòng chống thiên tai
8	Khắc phục thiệt hại do ảnh hưởng của các cơn bão, lũ số 11, 12 năm 2025 gây ra (Hạng mục: Kè bảo vệ trường TH Trần Cao Vân và trường THCS Lý Tự Trọng)	Thôn Ngọc Giác	2026	1.600,000	2.000,000	2.000,000		1.875,000	125,000	- Kè rọ đá bảo vệ trường TH Trần Cao Vân chiều dài kè khoảng 80m, loại rọ (2x1x0,5)m. - Kè rọ đá bảo vệ trường THCS Lý Tự Trọng chiều dài kè khoảng 64m, loại rọ (2x1x0,5)m	Quỹ phòng chống thiên tai



Phụ lục 6

SỬ DỤNG NGUỒN ĐÃ BỐ TRÍ CHO CÁC DỰ ÁN DỪNG THI C HIỆN DO VƯỚNG MẶT BÀNG; CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN A-B, KIỂM TOÁN, QUYẾT TOÁN HOÀN THÀNH

ĐVT: Đồng

Stt	Danh mục công trình	Khả năng thực hiện đến nay	Kế hoạch vốn đã bố trí đến nay	Lũy kế giải ngân đến nay	KH vốn còn lại	KH vốn dư sau khi quyết toán	Ghi chú
1	2	3	4	5	6 = 4 - 5	7 = 4 - 3	
1	Nguồn vốn dự do dừng thực hiện và các dự án đã quyết toán						
	Tổng	13.605.313.000	16.074.490.000	12.419.491.000	3.654.999.000	2.551.079.000	
1	Nhà Văn hóa, kết hợp phòng tránh thiên tai thôn 2 xã Trà Giác	2.455.346.000	2.638.000.000	2.307.129.000	330.871.000	182.654.000	Đã Quyết toán hoàn thành
2	Đường GTNT đoạn từ nhà ông Tài đi nhà ông Đồng, nóc ông Lam; từ nhà ông Nhơn đi nhà ông Dương, nóc ông Phòng, thôn 4, xã Trà Giác	498.468.000	1.012.000.000	420.000.000	592.000.000	592.000.000	Dừng thi công
3	Đường GTNT đi nóc ông Mãi thôn 4 xã Trà Giác	1.517.092.000	2.091.000.000	1.334.000.000	757.000.000	573.908.000	QT A-B
4	Đường GTNT đoạn từ đường Đồng Trường Sơn đi nóc ông Kim Bưởi, thôn 4, xã Trà Giác	632.831.000	693.000.000	632.831.000	60.169.000	60.169.000	Đã Quyết toán hoàn thành
5	Đường GTNT đoạn từ nhà ông Tâm đi nhà bà Liễu nóc ông Dế; Từ đường ĐH4 đi nóc ông Hiền, thôn 4, Trà Giác	414.994.000	523.000.000	414.994.000	108.006.000	108.006.000	
6	Nâng cấp CSVC Trường PT DTBT TH Trần Cao Vân, xã Trà Giác	916.968.000	940.000.000	916.968.000	23.032.000	23.032.000	
7	Đường GTNT từ nhà bà Trung đi nóc ông Kỳ, thôn 1, xã Trà Giác	35.176.000	503.000.000	31.742.000	471.258.000	471.258.000	Dừng thi công
8	Cánh đồng Tinh dầu thôn 2, xã Trà Tân	749.269.000	792.000.000	749.269.000	42.731.000	42.731.000	Đã Quyết toán hoàn thành
9	Đường GTNT từ đồi ông Thọ đi QL 40B, xã Trà Tân	820.175.000	906.000.000	820.175.000	85.825.000	85.825.000	Đã Quyết toán hoàn thành
10	Đường GTNT từ khu di tích UBKTTW đến nhà ông Sưa, thôn 2, xã Trà Tân	528.542.000	619.000.000	528.542.000	90.458.000	90.458.000	
11	Đường GTNT đi nóc ông Xây thôn 2, xã Trà Tân	581.990.000	603.000.000	581.990.000	21.010.000	21.010.000	
12	Nâng cấp đường giao thông đoạn trung tâm xã Trà Giác	1.043.061.000	1.088.600.000	915.000.000	173.600.000	45.539.000	QT A-B
13	Đường GTNT đoạn nhà Ông Phúc thôn 1, xã Trà Tân	514.489.000	584.000.000	453.000.000	131.000.000	69.511.000	QT A-B
14	Nâng cấp đường giao thông đoạn trung tâm xã Trà Tân	1.022.525.000	1.088.890.000	900.000.000	188.890.000	66.365.000	QT A-B
15	Công ông Phụ	1.040.333.000	1.102.000.000	910.492.000	191.508.000	61.667.000	QT A-B
16	Đường GTNTđôi ông Thọ thôn 3 xã Trà Tân	834.054.000	891.000.000	503.359.000	387.641.000	56.946.000	QT A-B
17	Đường GTNT từ trạm y tế xã Trà Giác đến nhà ông Nhơn	0	0	0	0	0	Vướng mặt bằng nên chưa phê duyệt và chưa phân bổ vốn



Phụ lục 6.1

CHI TIẾT BỐ TRÍ NGUỒN VỐN DỰ CHO CÁC DỰ ÁN BỔ SUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIAI ĐOẠN 2021-2025 KÉO DÀI SANG NĂM 2026

DVT: Triệu đồng.

Stt	Tên dự án/ công trình	Địa điểm	Năm thực hiện	Tổng mức theo Nghị quyết 03/NQ-HĐND	Tổng mức sau điều chỉnh	Dự kiến TMDT/ Cơ cấu nguồn vốn				KHV bố trí đợt này				Ghi chú
						Tổng	NSTW	NSTP	NS Xã	Tổng	NSTW	NSTP	NS Xã	
	Bổ sung danh mục Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025			4.050,000	3.404,000	3.404,000	1.575,501	975,578	536,408	2.551,079	1.575,501	975,578	0	
2	Đường GTNT liên thôn Nóc Bà Linh, thôn Ngọc Giác	Thôn Ngọc Giác	2026	2.100,000	2.200,000	2.200,000	1.021,661	658,748	203,078	1.680,409	1.021,661	658,748	0	GNBV
3	Đường ngõ xóm nóc ông Long, thôn Trà Giác	Thôn Ngọc Tu	2026	1.100,000	354,000	354,000	162,840	24,490	166,670	187,330	162,840	24,490	0	GNBV
4	Hệ thống điện năng lượng mặt trời thôn Nước Oa	Thôn Nước Oa	2026	850,000	850,000	850,000	391,000	292,340	166,660	683,340	391,000	292,340	0	GNBV

Phụ lục 7
NGUỒN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THEO NGHỊ QUYẾT 03/NQ-HĐND NGÀY 06/02/2026 PHÂN BỐ THÊM CHO CÁC DỰ ÁN ĐTC NĂM 2026



Stt	Tên dự án/ công trình	Tổng mức đầu tư			KHV bố trí từ khởi công đến nay			KHV phân bổ đợt này			Ghi chú
		Tổng số	NSTP	NS Xã	Tổng số	NSTP	NS Xã	Tổng cộng	NSTP	NS Xã	
	TỔNG CỘNG	55.728,880	18.850,000	36.878,880	24.628,910	-	24.628,910	8.843,580	5.000,000	3.843,580	
1	DANH MỤC ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026	33.578,880	-	33.578,880	24.628,910	-	24.628,910	2.693,580	-	2.693,580	
1	Nâng cấp, mở rộng CSVC trường Mẫu giáo Vành Khuyên	2.939,000		2.939,000	-		-	1.632,187		1.632,187	
2	Xây dựng sân bê tông và khu thể dục, thể thao thôn Nước Oa	1.200,000		1.200,000	900,000		900,000	72,000		72,000	
3	Nối dài các tuyến kênh thủy lợi cánh đồng Ông Văn, cánh đồng ông Ba Nờ, cánh đồng Mẫu 2	945,000		945,000	708,750		708,750	56,700		56,700	
4	Nâng cấp mặt đường giao thông từ ngã ba cống Ông Mật đến nhà ông Nguyễn Duy Hoà	5.500,000		5.500,000	4.875,000		4.875,000	-		-	
5	Tuyến từ cống chào K25 vào KĐT Võ Chí Công, Chu Huy Mân	4.500,000		4.500,000	3.924,000		3.924,000	-		-	
6	Đường GTNT từ ngã ba nhánh 2 nóc ông Phòng đến nóc ông Hiến	2.950,000		2.950,000	2.562,500		2.562,500	-		-	
7	Đường GTNT từ ngã ba ĐH4.BTM đến Nóc Ông Đi (cạnh nhà VH thôn Ngọc Giác)	2.015,000		2.015,000	1.511,250		1.511,250	120,900		120,900	
8	Đường GTNT từ đường Criem đi nóc ông Hà và xóm ông Được khu vực Nà Mít	1.065,000		1.065,000	798,750		798,750	63,900		63,900	
9	Đường GTNT từ TSD đi nóc ông Thương, bà Thâm (cạnh nhà CA xã mới)	465,000		465,000	348,750		348,750	27,900		27,900	
10	Nâng cấp mặt đường từ cầu Taklay đến nóc ông Hoàng thôn Ngọc Tu	2.100,000		2.100,000	1.575,000		1.575,000	126,000		126,000	
11	Đường GTNT từ cầu Khe Tân nối tiếp đoạn bê tông đi nóc ông Xây	1.752,494		1.752,494	1.314,371		1.314,371	105,150		105,150	
12	Hệ thống NSH suối Rác	2.187,386		2.187,386	1.640,540		1.640,540	131,243		131,243	
13	Kè chống sạt lở khu dân cư bãi Đá Trà Giác đoạn từ nhà ông Sa đến nhà ông Xu	740,000		740,000	555,000		555,000	44,400		44,400	
14	Kè chống sạt lở xóm đồng ruộng thôn Ngọc Giác	720,000		720,000	540,000		540,000	43,200		43,200	
15	Kè rọ đá cánh đồng Tinh Dầu (GD2)	2.000,000		2.000,000	1.500,000		1.500,000	120,000		120,000	
16	Kè chống sạt lở cánh đồng Mẫu 7 và cánh đồng Mẫu 2 (GD1)	2.500,000		2.500,000	1.875,000		1.875,000	150,000		150,000	
II	DANH MỤC BỔ SUNG CHƯƠNG TRÌNH MTQG NĂM 2026	22.150,000	18.850,000	3.300,000	-	-	-	6.150,000	5.000,000	1.150,000	
17	Nâng cấp, mở rộng CSVC trường PTDTBT THCS Lý Tự Trọng	21.000,000	17.850,000	3.150,000	-	-	-	5.000,000	4.000,000	1.000,000	
18	Dự án thuộc Chương trình MTQG năm 2026	1.150,000	1.000,000	150,000	-	-	-	1.150,000	1.000,000	150,000	